

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Tên dự án:

**TÀI TRỢ XE CỨU THƯƠNG CHO BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN AN PHÚ TỈNH AN GIANG.**

Tên gói thầu:

**MUA SẮM XE CỨU THƯƠNG CHO BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN AN PHÚ TỈNH AN GIANG**

Chủ đầu tư:

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

An Giang, Ngày 07 tháng 04 năm 2015
Đại diện hợp pháp của bên mời thầu
GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

Tháng 4 năm 2015

Số:/TB-XS

An Giang, ngày 07 tháng 04 năm 2015

THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang có kế hoạch tổ chức chào hàng cạnh tranh theo Luật Đấu thầu như sau:

Tên gói thầu: Mua sắm xe cứu thương cho Bệnh viện đa khoa huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Địa điểm: Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Thực hiện theo hình thức chào hàng cạnh tranh rộng rãi trong nước.

Bên mời thầu mời tất cả các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và có điều kiện tham gia chào giá cạnh tranh gói thầu nêu trên.

Nhà thầu có nguyện vọng tham gia chào giá cạnh tranh; tải HSYC qua Website công ty tại địa chỉ: <http://www.xsktangiang.com.vn> (trong mục Thông báo).

Thời gian nhận Hồ sơ yêu cầu chào hàng: bắt đầu từ ngày 13 tháng 04 năm 2015 đến trước 8 giờ, ngày 22 tháng 04 năm 2015.

Nhà thầu nộp Hồ sơ dự thầu phải kèm theo bảo đảm dự thầu trị giá: 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), bằng hình thức thư bảo lãnh của ngân hàng (gửi về phòng Tổ chức – Hành chính Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang), chậm nhất là trước 8 giờ, ngày 22 tháng 04 năm 2015

Hồ sơ đề xuất sẽ được mở công khai vào lúc: 8 giờ, ngày 22 tháng 04 năm 2015 tại Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang (số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

Số điện thoại cần liên hệ:

Kính mời đại diện của các nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu đến tham dự buổi mở thầu vào thời gian và địa điểm nêu trên./.

GIÁM ĐỐC
Tô Thiện Hữu
Đã ký

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt.....	3
A. Chỉ dẫn đối với nhà thầu.....	4
B. Yêu cầu về kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá.....	10
Yêu cầu về kỹ thuật.....	10
Tiêu chuẩn đánh giá.....	13
C. Biểu mẫu	15
Mẫu số 1. Đơn chào hàng.....	15
Mẫu số 2. Giấy ủy quyền.....	16
Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh.....	17
Mẫu số 4. Biểu giá chào.....	19
Mẫu số 5. Bảng tổng hợp thông tin HSĐX	20
D. Dự thảo hợp đồng.....	21
* Phụ lục : Danh mục hàng hóa theo hợp đồng.....	26

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh
HSDX	Hồ sơ đề xuất
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số: 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Đồng Việt Nam

A. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Mục 1: Nội dung gói thầu.

Công ty TNHH MTV XSKT An Giang (bên mời thầu) mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu: *Mua sắm xe cứu thương tài trợ cho bệnh viện Đa khoa huyện An Phú tỉnh An Giang.*

Mục 2: Phạm vi cung cấp.

Phạm vi hàng hoá theo yêu cầu cung cấp xe cứu thương chuyên dụng như sau:

STT	Danh mục hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ cung cấp	Địa điểm cung cấp	Ghi chú
1	Xe cứu thương	Chiếc	1	Từ 10 ngày đến 30 ngày	Tại Bệnh viện đa khoa huyện An Phú tỉnh An Giang.	

Mục 3: Thời hạn cung cấp hàng hóa và giao hàng.

Thời hạn cung cấp hàng hóa trong vòng từ 10 ngày đến 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Địa điểm giao hàng: Bệnh viện đa khoa huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Mục 4: Nội dung của HSDX.

1. HSDX cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc chào hàng cạnh tranh phải được viết bằng tiếng Việt.

2. HSDX do nhà thầu chuẩn bị bao gồm các nội dung sau:

- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật hoặc Quyết định thành lập đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh*);

- Đơn chào hàng theo Mẫu số 1 Phần C;

- Biểu giá chào theo Mẫu số 4 Phần C;

- Văn bản thỏa thuận giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Phần C trong trường hợp liên danh;

- Các tài liệu chứng minh tính năng kỹ thuật hàng hóa (*catalogue, thông số kỹ thuật, bảng vẽ kỹ thuật...*).

- Các tài liệu đảm bảo về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa.

- Các tài liệu đảm bảo hợp tiêu chuẩn áp dụng tại Việt Nam.

- Các tài liệu đảm bảo về số lượng hàng hóa từ phía nhà sản xuất / đại diện hợp pháp của nhà sản xuất tại Việt Nam.

- Các tài liệu chứng minh yếu tố vượt trội của thương hiệu, của hàng hóa, tài liệu khẳng định chất lượng hàng hóa đã được một tổ chức, đơn vị hợp pháp, có uy tín và khách quan cấp (*kể cả các giải thưởng, danh hiệu đã đạt trong thời gian 3 năm 2012, 2013, 2014 nếu có*).

- Các tài liệu làm rõ kế hoạch giao hàng, lắp đặt, tập huấn / huấn luyện sử dụng, bảo hành, hậu mãi...

- Các tài liệu khác (nếu có).

Mục 5: Đơn chào hàng.

Đơn chào hàng được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 Phần C, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Phần C).

Công ty chọn nhà thầu cung cấp có HSDX đầy đủ, cung cấp hàng hóa có cấu hình kỹ thuật tốt nhất và có đơn giá chào tốt nhất.

Mục 6: Giá chào hàng.

1. Giá chào hàng là giá do nhà thầu nêu trong đơn chào hàng sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá chào hàng phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của HSYC. Giá chào hàng được chào bằng đồng tiền Việt Nam và bao gồm có hoá đơn tài chính.

2. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDX thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu trước thời điểm hết hạn nộp HSDX hoặc phải có bảng kê thành phần HSDX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá đối với từng loại hàng hóa cụ thể nêu trong biểu giá chào bằng giá trị tuyệt đối. Trường hợp không nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả các loại hàng hóa nêu trong biểu giá chào.

3. Biểu giá chào phải được nhà thầu chào ghi đầy đủ theo Mẫu số 4 Phần C, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Mục 7: Thời gian có hiệu lực của HSDX.

Thời gian có hiệu lực của HSDX là **60 ngày** kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX là từ 8 giờ, ngày 22 tháng 04 năm 2015 đến 24 giờ, ngày 20 tháng 06 năm 2015.

Mục 8: Chuẩn bị và nộp HSDX.

1. HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào hàng, biểu giá chào, thư giảm giá (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký và đóng dấu (nếu có). Những chữ viết chen giữa, tẩy

xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn chào hàng) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

2. Nhà thầu nộp HSDX đến bên mời thầu bằng cách gửi trực tiếp, qua đường bưu điện nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX là 8 giờ, ngày 22 tháng 04 năm 2015. HSDX của nhà thầu gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.

HSDX phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng được quy định như sau:

- Tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu:
- Địa chỉ nộp Hồ sơ đề xuất (tên, địa chỉ của bên mời thầu):
- Tên gói thầu: *Mua sắm xe cứu thương tài trợ cho Bệnh viện đa khoa huyện An phú tỉnh An Giang.*
- HSDX không được mở trước 8 giờ, ngày 22 tháng 04 năm 2015 (cũng là thời gian hết hạn nộp HSDX). Trường hợp sửa đổi HSDX, ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi thêm dòng chữ "Hồ sơ đề xuất sửa đổi".

Số lượng Hồ sơ đề xuất phải nộp: **01(một) bản gốc và 01(một) bản chụp.**

Nhà thầu nộp HSDX tại: Phòng Tổ chức Hành chính, Công ty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng Kiến Thiết An Giang số 64C Nguyễn Thái Học, P.Mỹ Bình, TP.Long Xuyên, An Giang.

Mục 9: Làm rõ HSDX.

1. Trong quá trình đánh giá HSDX, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSDX thiếu tài liệu theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ HSDX được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (bên mời thầu mời nhà thầu đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời thầu gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà thầu phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của nhà thầu. Nội dung làm rõ HSDX thể hiện bằng văn bản được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ hoặc nhà thầu có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 10: Đánh giá các HSDX.

Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDX, bao gồm:

a) Tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Mục 4 Phần này (sau khi đã làm rõ hoặc bổ sung tài liệu theo yêu cầu của bên mời thầu).

b) Thời gian và chữ ký hợp lệ trong các tài liệu như đơn chào hàng, biểu giá chào, thỏa thuận liên danh (nếu có).

c) Hiệu lực của HSDX theo quy định tại Mục 7 Phần này.

HSDX của nhà thầu sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu nhà thầu không đáp ứng một trong các nội dung nói trên.

2. Đánh giá về kỹ thuật: Bên mời thầu đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSYC đối với các HSDX đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”.

3. So sánh giá chào:

a) Bên mời thầu tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Điều 17 Nghị định 63/CP.

b) Bên mời thầu so sánh giá chào của các HSDX đáp ứng về kỹ thuật để xác định HSDX có giá chào thấp nhất được xếp thứ nhất.

Mục 11: Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu.

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSDX hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong HSYC;
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính và không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- Có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và không vượt giá gói thầu.

Mục 12: Thông báo kết quả chào hàng.

Bên mời thầu thông báo kết quả chào hàng bằng văn bản cho tất cả các nhà thầu tham gia nộp HSDX sau khi có quyết định phê duyệt kết quả chào hàng. Đối với nhà thầu trúng thầu phải ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

Mục 13: Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

Bên mời thầu tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu trúng thầu để chủ đầu tư ký kết hợp đồng.

Mục 14: Bảo đảm dự thầu.

1. Bảo đảm dự thầu chào hàng cạnh tranh là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), bằng hình thức thư bảo lãnh của Ngân hàng và gửi về Công ty TNHH MTV Xô Số Kiến Thiết An Giang số 64C Nguyễn Thái Học, P.Mỹ Bình, TP.Long Xuyên, An Giang, thời gian có giá trị của đảm bảo dự thầu ít nhất là **60**

ngày kể từ ngày đóng hồ sơ đề xuất.

2. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, không đúng đồng tiền quy định, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ (*tên và địa chỉ của bên mời thầu*) và thời gian quy định trong HSYC, không đúng tên gói thầu, tên nhà thầu, thư bảo lãnh không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ.

3. Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang sẽ thu số tiền bảo đảm dự thầu đúng bằng số tiền trong thư bảo lãnh của ngân hàng trong các trường hợp sau:

a) Rút HSDX sau khi đóng thầu mà HSDX vẫn còn hiệu lực;

b) Trong thời hạn **10 ngày** kể từ khi nhận được thông báo trúng thầu của công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang mà không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng hoặc đã thương thảo, hoàn thiện xong nhưng từ chối ký hợp đồng;

c) Không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi ký hợp đồng hoặc trước khi hợp đồng có hiệu lực.

4. Trường hợp, nhà thầu không trúng thầu thì tự thực hiện các thủ tục tất toán chung thư bảo lãnh ngân hàng.

Mục 15: Kiến nghị trong đấu thầu.

1. Nhà thầu tham dự thầu có quyền kiến nghị về kết quả đấu thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình đấu thầu nếu thấy quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng.

2. Kiến nghị về những vấn đề trong quá trình đấu thầu mà không phải về kết quả đấu thầu được giải quyết như sau:

a) Nhà thầu kiến nghị bằng văn bản trong khoản thời gian từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả đấu thầu;

b) Đơn kiến nghị phải được gửi trước tiên đến công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang. Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang sẽ giải quyết kiến nghị bằng văn bản trong thời hạn tối đa là **7 ngày** làm việc kể từ khi nhận được đơn kiến nghị.

3. Kiến nghị về kết quả đấu thầu được giải quyết như sau:

a) Nhà thầu kiến nghị bằng văn bản trong thời hạn tối đa là **10 ngày** kể từ ngày thông báo kết quả đấu thầu;

b) Theo trình tự quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Mục này;

4. Khi có kiến nghị mà không được giải quyết, nhà thầu có quyền khởi kiện ra Tòa án.

Mục 16: Xử lý vi phạm trong đấu thầu.

1. Trường hợp nhà thầu có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định 63/CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời sẽ được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải trên báo Đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu, để theo dõi, tổng hợp và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định xử lý vi phạm được thực hiện ở bất kỳ địa phương, ngành nào đều có hiệu lực thi hành trên phạm vi cả nước và trong tất cả các ngành.

4. Nhà thầu bị xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu có quyền khởi kiện ra Tòa án về Quyết định xử lý vi phạm.

B. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

1. Yêu cầu về kỹ thuật

- Xe cứu thương chuyên dụng được sản xuất trong năm 2015, hàng hóa mới 100%.
- Có độ an toàn cao, đảm bảo khả năng máy hoạt động tốt 24h/ngày và 7 ngày/tuần.
- Sản phẩm phải được sản xuất lắp ráp phải đạt tiêu chuẩn ISO.
- Phải được tiến hành kiểm tra chạy thử nghiệm trước khi đưa vào sử dụng chính thức.
- Có các tài liệu kỹ thuật đi kèm (bằng tiếng việt hoặc tiếng anh).
- Hàng hóa phải có giấy chứng nhận của hãng sản xuất lắp ráp.

Xe cứu thương có tính năng kỹ thuật (**hoặc tương đương**); trường hợp, xe có tính năng kỹ thuật cao hơn là một điều kiện để ưu tiên xem xét.

CẤU HÌNH KỸ THUẬT

a. BẢNG QUY CÁCH KỸ THUẬT

Số TT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	TIÊU CHUẨN
Xe cứu thương nhập khẩu mới 100%, sản xuất năm 2015		
01	Tiêu chuẩn Euro	Euro 2
02	Màu xe	Màu trắng
03	Động cơ	
04	Kích thước tổng thể (DxRxC)	5.150 x 1.920 x 2.135mm
05	Chiều dài cơ sở	3.200 mm
06	Kiểu động cơ	D4BH, 4 kỳ, 4 xilanh thẳng hàng
07	Thể tích làm việc	2.476 cc
08	Công suất cực đại (KW(HP)/rpm)	100/3800
09	Dung tích bình nhiên liệu	75 lít
10	Hộp số	Số sàn (5 số tiến, 1 số lùi)
11	Hệ thống phanh trước	Đĩa
12	Hệ thống phanh sau	Đĩa
13	Hệ thống tay lái	Tay lái thuận, có trợ lực
14	Bộ ly hợp	Cơ cấu cơ khí
15	Bộ khởi động	Điện
16	Đồng hồ chỉ báo hiển thị tốc độ, mức nhớt, nhiệt độ nước	có
17	Khoảng cách bánh trước (mm)	1.685
18	Khoảng cách bánh sau (mm)	1.660
19	Lốp xe	215/70R6
20	Trọng lượng toàn bộ	2760 Kg
21	Bán kính vòng quay tối thiểu (mm)	5610
22	Nhiên liệu tiêu thụ	Xăng hoặc dầu

b/ ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

Số TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG
01	Điều hòa nhiệt độ	Trước và trong khoang bệnh nhân
02	Quạt thông gió 2 chức năng	Lắp trên trần xe
03	Dây đai an toàn cho các ghế	Có
04	Gương chiếu hậu bên ngoài	02
05	Gương chiếu hậu bên trong	01
06	Chắn nắng phía trước	01
07	Dung dịch rửa kính	01
08	Con đội	01
09	Lốp dự phòng	01
10	Bộ dụng cụ sửa xe (tiêu chuẩn)	Tay kích và tuýp mở lốp
11	Hệ thống gạt nước phía trước	Có
12	Hộc để đồ	Có
13	Đèn báo ưu tiên hình chữ nhật dài phía trước	01
14	Đèn báo ưu tiên hình bầu dục phía sau	02
15	Hệ thống tăng âm, còi hú và microphone	01 bộ
16	Cánh chính bung xếp tự động	01
17	Cánh phụ loại xếp	01
18	Băng ghế cho nhân viên y tá	Có
19	Số chỗ ngồi	05 + 1 chỗ
20	Đèn trần trong khoang bệnh nhân	Có
21	Móc treo truyền dịch	Có
22	Bình Oxy có giá giữ	01
23	Khe cắm điện 12V	01
24	Bình cứu hỏa	Có
25	Chữ tập đồ trước sau và hai bên	4 chữ
26	Sàn xe bằng chất liệu chống cháy, chống trượt	Có
27	Vách ngăn khoang trước với khoang bệnh nhân	Có
28	Túi khí bảo vệ (tài xế)	Có
29	Hệ thống ABS chống bó thắng trước và sau	Có
30	Mâm thép	Có
31	Kệ tủ vách đựng trang thiết bị y tế (10 ngăn)	01 bộ

- Nhà thầu tự điền các chỉ tiêu còn thiếu trong bảng qui cách kỹ thuật (nếu có)
- Nhà thầu cung cấp phải đạt tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, phải bảo đảm xe và các thiết bị hoạt động tốt cho việc phục vụ cứu thương.

Các yêu cầu khác

- Có giấy chứng nhận hoặc hợp đồng đại lý và thư cam kết về nguồn gốc, chất lượng và hỗ trợ chế độ bảo hành của nhà sản xuất (trong thư cần nêu rõ các thông tin: tên nhà sản xuất, tên bên mời thầu, tên nhà thầu được hỗ trợ, tên gói thầu, chủng loại hàng hoá cung cấp cho gói thầu, thời hạn hiệu lực của thư cam kết...)

- Các thiết bị hàng hoá cung cấp trong gói thầu phải kèm theo tài liệu mô tả thông số kỹ thuật.

- Có phương án tổ chức vận hành chạy thử, hướng dẫn sử dụng cơ bản, bàn giao thiết bị và nghiệm thu.

- Nhà thầu phải có vốn điều lệ từ 1 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh xe ô tô (căn cứ theo giấy phép đăng ký kinh doanh/ Quyết định thành lập).

- Bảo hành: Nhà thầu phải đảm bảo thời gian bảo hành xe kể cả vào các ngày nghỉ, ngày lễ.

+ Trường hợp xảy ra sự cố về xe, thì đơn vị sử dụng phải có văn bản yêu cầu nhà thầu bảo hành, sửa chữa, bằng hình thức Fax cho nhà thầu, sau đó nhà thầu xác nhận và Fax ngược lại cho đơn vị yêu cầu (văn bản chính sẽ gửi sau). Trong thời gian 24 giờ, kể từ thời điểm bên nhà thầu xác nhận yêu cầu, sửa chữa, bảo hành, thì phải tiến hành bảo hành, sửa chữa tại nơi hoặc nơi gần nhất.

+ Trong trường hợp thiết bị không thể bảo hành ngay, thì trong vòng 24 giờ (kể từ thời điểm tiếp nhận bảo hành) thì bên nhà thầu phải có kế hoạch khắc phục sớm nhất.

2. Tiêu chuẩn đánh giá

Sử dụng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”. Chi tiết tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật nêu ở Phụ lục 1 của HSYC này:

PHỤ LỤC 1: Chi tiết tiêu chuẩn đánh giá

a. Bảng quy cách kỹ thuật

Số TT	Đặc tính kỹ thuật	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
01	Tiêu chuẩn Euro	Euro 2		
02	Màu xe	Màu trắng		
03	Động cơ			
04	Kích thước tổng thể (DxRx C)	5.150 x 1.920 x 2.135mm		
05	Chiều dài cơ sở	3.200 mm		
06	Kiểu động cơ	D4BH, 4 kỳ, 4 xilanh thẳng hàng		
07	Thể tích làm việc	2.476 cc		
08	Công suất cực đại (KW(HP)/rpm)	100/3800		
09	Dung tích bình nhiên liệu	75 lít		
10	Hộp số	Số sàn (5 số tiến, 1 số lùi)		

Số TT	Đặc tính kỹ thuật	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
11	Hệ thống phanh trước	Đĩa		
12	Hệ thống phanh sau	Đĩa		
13	Hệ thống tay lái	Tay lái thuận, có trợ lực		
14	Bộ ly hợp	Cơ cấu cơ khí		
15	Bộ khởi động	Điện		
16	Đồng hồ chỉ báo hiển thị tốc độ, mức nhớt, nhiệt độ nước	Có		
17	Khoảng cách bánh trước (mm)	1.685		
18	Khoảng cách bánh sau (mm)	1.660		
19	Lốp xe	215/70R6		
20	Trọng lượng toàn bộ	2760 Kg		
21	Bán kính vòng quay tối thiểu (mm)	5610		
22	Nhiên liệu tiêu thụ	Xăng hoặc dầu		

b/ Đặc điểm kỹ thuật

Số TT	Tên thiết bị	Số lượng	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
01	Điều hòa nhiệt độ	Trước và trong khoang bệnh nhân		
02	Quạt thông gió 2 chức năng	Lắp trên trần xe		
03	Dây đai an toàn cho các ghế	Có		
04	Gương chiếu hậu bên ngoài	02		
05	Gương chiếu hậu bên trong	01		
06	Chắn nắng phía trước	01		
07	Dung dịch rửa kính	01		
08	Con đội	01		
09	Lốp dự phòng	01		
10	Bộ dụng cụ sửa xe (tiêu chuẩn)	Tay kích và tuýp mở lốp		
11	Hệ thống gạt nước phía trước	Có		
12	Hộc để đồ	Có		
13	Đèn báo ưu tiên hình chữ nhật dài phía trước	01		
14	Đèn báo ưu tiên hình bầu dục phía sau	02		
15	Hệ thống tăng âm, còi hú và microphone	01 bộ		

Số TT	Tên thiết bị	Số lượng	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
16	Cánh chính bung xếp tự động	01		
17	Cánh phụ loại xếp	01		
18	Băng ghế cho nhân viên y tá	Có		
19	Số chỗ ngồi	05 + 1 chỗ		
20	Đèn trần trong khoang bệnh nhân	Có		
21	Móc treo truyền dịch	Có		
22	Bình Oxy có giá giữ	01		
23	Khe cắm điện 12V	01		
24	Bình cứu hỏa	Có		
25	Chữ tập đồ trước sau và hai bên	4 chữ		
26	Sàn xe bằng chất liệu chống cháy, chống trượt	Có		
27	Vách ngăn khoang trước với khoang bệnh nhân	Có		
28	Túi khí bảo vệ (tài xế)	Có		
29	Hệ thống ABS chống bó thắng trước và sau	Có		
30	Mâm thép	Có		
31	Kệ tủ vách đựng trang thiết bị y tế (10 ngăn)	01 bộ		

c. Đánh giá HSDX.

STT	Nội dung tiêu chuẩn đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1.	Phạm vi cung ứng hàng hóa		
	Xe cứu thương và các phụ kiện kèm theo (chi tiết theo HSYC)		
2.	Thiết bị cung ứng và tổ chức		
	- Tổ chức cung cấp, lắp đặt: + Có cam kết cung cấp và lắp đặt các thiết bị tận nơi.		
	- Cam kết về chất lượng + Có cam kết thiết bị cung cấp phải hàng hóa là: được sản xuất trong năm 2015; xe mới 100%, và có đầy đủ giấy chứng nhận của nhà lắp ráp - sản xuất.		
	- Bảo hành + Có quy trình bảo hành, bảo trì đầy đủ, chi tiết. + Có hệ thống hoạt động bảo hành tại An Giang.		

STT	Nội dung tiêu chuẩn đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	- Tổ chức thực hiện + Có phương án tổ chức vận hành, chạy thử, đào tạo chuyển giao công nghệ,... + Có bảng tiến độ chi tiết lịch trình triển khai theo nội dung như: đặt hàng, vận chuyển, giao hàng, đào tạo, chuyển giao công nghệ và nghiệm thu.		
3.	Về năng lực nhà thầu		
	- Vốn điều lệ và năng lực kinh nghiệm. + Nhà thầu phải có vốn điều lệ từ 1 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh xe ô tô (căn cứ theo giấy phép đăng ký kinh doanh/ Quyết định thành lập). + Nhà thầu phải có tối thiểu 3 hợp đồng đã thực hiện cho cơ quan tư nhân, nhà nước (cung cấp bản chụp hợp đồng) và có giá trị tương đương.		
	- Nhân sự triển khai + Có tối thiểu 2 nhân sự có trình độ đại học hoặc tương đương về lĩnh vực xe, tham gia triển khai gói thầu (các nhân viên triển khai phải có hợp đồng lao động ký kết với nhà thầu còn hiệu lực và cung cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ có liên quan).		
4.	Về Tổ chức cung ứng và lắp đặt, năng lực cán bộ kỹ thuật.		
	+ Có kế hoạch chi tiết về việc thực hiện các công việc lắp đặt trang thiết bị.		
	+ Có bảng bố trí nhân sự phù hợp với kế hoạch thực hiện nêu trên.		
5.	Thời gian thực hiện và giao hàng		
	+ Từ 10 ngày đến 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.		

BIỂU MẪU

Mẫu số 1: Đơn chào hàng.

ĐƠN CHÀO HÀNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên bên mời thầu*]
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh số ____ [*Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất*].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm luật đấu thầu.

Mẫu số 2. Giấy ủy quyền.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng theo quy định tại Mục 5 Phần A. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh.

Mẫu số 3: Thỏa thuận liên danh

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ⁽²⁾ _____ [Luật Đấu thầu số 43/2005/QH13 ngày 26/11/2013];

- Căn cứ ⁽²⁾ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày _____ tháng _____ năm _____ [ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia thực hiện gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác _____ [nêu rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____
[Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽²⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh ____ [ghi cụ thể phân công việc, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy chào hàng cạnh tranh gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

⁽²⁾ Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

Mẫu số 4: Biểu giá chào**BIỂU GIÁ CHÀO**

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa	Thời hạn bảo hành	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (bao gồm cả chi phí vận chuyển)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) =(7) x (9)
1									
2									
3									
...									
Cộng									
Thuế									
Phí (nếu có)									
Tổng cộng									

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

MẪU SỐ 5 : BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN HSDX**BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN HỒ SƠ ĐỀ XUẤT**

Số TT	Thông tin	Nội dung
1	Số lượng bản gốc HSDX	
2	Số lượng bản chụp HSDX	
3	Thời gian có hiệu lực của HSDX 60 ngày (kể từ ngày xem xét, đánh giá)	
4	Giá chào hàng (bao gồm thuế VAT)	
5	Thư giảm giá (nếu có)	
6	Giá chào hàng sau khi giảm giá	
7	Giá trị của bảo lãnh dự thầu (35.000.000 đồng)	
8	Hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (ít nhất là 60 ngày)	
9	Thời gian thực hiện hợp đồng (từ 10 ngày đến 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng)	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

*** Lưu ý:** Đề nghị các nhà thầu đặt bảng tổng hợp này vào trang đầu tiên của HSDX (trước mục lục).

D. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Luật Đấu thầu số 43/2005/QH13 ngày 26/11/2013];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả chào hàng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

⁽³⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với dự thảo hợp đồng.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh và các tài liệu bổ sung hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].

2. Điều kiện, Phương thức và thời hạn thanh toán:

a) Điều kiện thanh toán: Căn cứ biên bản nghiệm thu của bên A và bên B thống nhất thực hiện theo hợp đồng, cùng với các giấy tờ liên quan đến tính hợp lệ của bộ máy, thiết bị, hóa đơn tài chính theo quy định và chứng thư bảo lãnh của ngân hàng trị giá 5% giá trị hợp đồng có thời hạn đến hết thời gian bảo hành, dùng để đảm bảo bảo hành.

b) Hình thức thanh toán: chuyển khoản ngân hàng, một lần toàn bộ giá trị hợp đồng.

c) Thời hạn thanh toán: trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thủ tục theo quy định tại phần điều kiện thanh toán.

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trước khi ký hợp đồng.
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: thư bảo lãnh của ngân hàng.
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% tổng giá trị hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết thời hạn bảo hành.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong HSYC, cụ thể là: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo*].

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: _____ [*Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu*].

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: _____ [*Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm...cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm*]. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bảo quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: _____
[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật].

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: _____ *[Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành...].*

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp].*

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành làm thủ tục nghiệm, bản thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 3 bộ, chủ đầu tư giữ 2 bộ, nhà thầu giữ 1 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

DANH MỤC HÀNG HÓA THEO HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSYC, HSDX và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm danh mục hàng hóa được cung cấp].

Danh mục hàng hóa:

1....

2....

3....

...